

Số: 108/2021/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 18 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2021/ TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Hồng C**, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Xóm K 1, xã K, huyện Đ - Thái Nguyên.

Bị Đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Xóm K 1, xã K, huyện Đ - Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Hồng C và bà Trần Thị T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ vợ chồng: Ông Vũ Hồng C và bà Trần Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng cho nhau và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Cụ thể hai bên đương sự đã tự thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng như sau:

+ Ông Vũ Hồng C được quyền sử dụng, sở hữu các thửa đất và tài sản gắn liền với đất sau:

- Diện tích đất 96m² cùng ngôi nhà gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 344456 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00041 QSDĐ/HĐ số 303 CN/2000) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/3/2001 mang tên ông Vũ Hồng C.

- Thửa đất số 131a, tờ bản đồ số 48, diện tích 150m² cùng tài sản gắn liền với đất (nếu có) tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 056557 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01328) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/4/2005 mang tên ông Vũ Hồng C.

- Diện tích đất 360m² đất màu tại phần “Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận” ngày 16/5/1998 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 342906 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/5/1994 mang tên ông Vũ Hồng C.

+ Bà Trần Thị T được quyền sử dụng, sở hữu các thửa đất và tài sản gắn liền với đất sau:

- Diện tích đất 400m² đất ở cùng tài sản gắn liền với đất và 720m² đất chè tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 342906 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/5/1994 mang tên ông Vũ Hồng C.

- Diện tích đất 141m² đất 1 lúa tại thửa 145, tờ bản đồ số 13; 360m² đất chè tại phần “Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận” ngày 16/5/1998 và các thửa 62, 63, 64 tờ bản đồ số 14, diện tích 1.428m² loại đất 1 lúa tại phần “Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận” ngày 24/7/2000 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 342906 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00872 QSDĐ) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/5/1994 mang tên ông Vũ Hồng C.

- Các thửa đất số 125 diện tích 500m², thửa 126 diện tích 600m², thửa 127 diện tích 540m² và thửa 128 diện tích 700m² cùng tờ bản đồ số 48 loại đất 1 lúa tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 946691 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01282 QSDĐ/1425/2002/QĐ-UB/H) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/12/2002 mang tên hộ ông Vũ Hồng C.

- Công nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

- Về án phí: Ông Vũ Hồng C tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ngày 06/10/2021, tại biên lai thu số 0005156. Hoàn trả lại cho ông Vũ Hồng C 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Hữu Nường